

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 1365/2026/DS-PT

Ngày: 23/9/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

Bà Đào Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1477/2026/TLPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 215/2026/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1705/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chủ hộ kinh doanh Tư Tâm.

Người đại diện: Bà Thạch Thị Sa V, sinh ngày 07/9/1991.

CCCD số: 094191005815. Ngày cấp: 05/06/2022.

Địa chỉ: Ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh ngày 01/01/1970.

CCCD số: 094070013231. Ngày cấp: 09/08/2021.

2/ Bà Lâm Ngọc T, sinh ngày 01/01/1964.

CCCD số: 094164006932. Ngày cấp: 09/08/2021.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết án, nguyên đơn bà Thạch Thị Sa V trình bày: Vào ngày 31/03/2023, bà Thạch Thị Sa V có Hợp đồng bán thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Lâm Ngọc T (viết tắt là vợ chồng ông H) do ông Nguyễn Thanh H đại diện. Theo hợp đồng bà V có giao thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho vợ chồng ông H để nuôi tôm. Đến khi thu hoạch tôm thì vợ chồng ông H không có trả tiền. Trong vụ nuôi tôm này vợ chồng ông H nợ số tiền là 123.375.000 đồng. Vụ nuôi tôm trước đây thì vợ chồng ông H còn nợ 289.844.000 đồng.

Đến ngày 09/08/2023 giữa bà V và ông H có đối chiếu kết sổ và xác nhận công nợ thì vợ chồng ông H còn nợ tổng số tiền là 413.219.000 đồng. Đồng thời, tại thời điểm xác nhận công nợ thì ông H còn thống nhất chịu phần tiền lãi trên số tiền còn nợ là 01%/tháng cho đến khi trả dứt nợ.

Do ông H thống nhất xác định còn nợ số tiền là 413.219.000 đồng có thỏa thuận lãi suất hàng tháng mà đến nay vợ chồng ông H không trả tiền lãi cũng không trả tiền gốc cho bà V là vi phạm việc thỏa thuận trả nợ tiền thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất nên bà V yêu cầu ông H, bà T phải có trách nhiệm trả thêm tiền lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng của số tiền nợ gốc là 413.219.000 đồng và thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 10/08/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Nay bà Thạch Thị Sa V yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Lâm Ngọc T có trách nhiệm hoàn trả tiền gốc 413.219.000 đồng và tính lãi suất 1%/tháng từ ngày 10/08/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Tại biên bản hòa giải ngày 29 tháng 5 năm 2026, cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Lâm Ngọc T trình bày: Bà Lâm Ngọc T thừa nhận còn nợ bà Thạch Thị Sa V số tiền gốc là 413.219.000 đồng. Yêu cầu không tính lãi. Vì hiện nay bà T không còn khả năng trả nợ. Còn về cách trả nợ thì khi nào bà T sang bán đất được bà sẽ trả đủ một lần.

Ông Nguyễn Thanh H không có lời trình bày do vắng mặt:

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 215/2026/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Lâm Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Thạch Thị Sa V số tiền còn nợ là 565.460.000đ (Năm trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Thạch Thị Sa V cho đến khi thi hành án xong mà ông H, bà T chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn bà T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà T có kháng cáo yêu cầu được giảm 50% lãi suất là 72.730.000 đồng (Bảy mươi hai triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng) và xin được miễn án phí do bà là người cao tuổi.

Nguyên đơn đồng ý giảm 50 % lãi suất cho bị đơn.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của bị đơn bà T trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà T và nguyên đơn thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án như sau bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 413.219.000 đồng (Bốn trăm mười ba triệu hai trăm mười chín ngàn đồng và 50% lãi suất là 72.730.000 đồng (Bảy mươi hai triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng). Về án phí, do bị đơn bà Thủy sinh năm 1964 là người cao tuổi và bà T có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền còn nợ và lãi suất chậm trả theo hợp đồng mua bán đã ký kết, phía bị đơn không đồng ý trả lãi suất chậm trả. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Nhận thấy, vợ chồng ông H bà T có mua các loại thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất của bà Thạch Thị Sa V. Quá trình mua bán, sau khi đối chiếu công nợ thì vợ chồng ông H bà T còn nợ nguyên đơn số tiền 413.219.000đ (Bốn trăm mười ba triệu, hai trăm mười chín nghìn đồng). Như vậy vợ chồng ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H bà T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ và lãi suất chậm trả cho nguyên đơn. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó bị đơn bà T đã có đơn kháng cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà T và nguyên đơn đã thống nhất được việc giải quyết cụ thể là bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 413.219.000 đồng (Bốn trăm mười ba triệu hai trăm mười chín nghìn đồng) và 50% lãi suất là 72.730.000 đồng (Bảy mươi hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng). Xét thấy, việc các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sửa bản án dân sự sơ thẩm số 215/2026/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ. Việc Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm là việc ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên cấp sơ thẩm không có lỗi về phần này.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà T về việc bà xin được miễn án phí, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Thủy S năm 1964 là người cao tuổi và bà T có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp, theo đó bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 12.148.000 đồng (Mười hai triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho bị đơn bà T theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lâm Ngọc T.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 215/2026/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn với bị đơn bà Lâm Ngọc T như sau:

Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Lâm Ngọc T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thạch Thị Sa V số tiền 485.949.000đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng). Trong đó, số tiền vốn là 413.219.000 đồng (Bốn trăm mười ba triệu hai trăm mười chín ngàn đồng) và lãi suất chậm trả là 72.730.000 đồng (Bảy mươi hai triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Thạch Thị Sa V cho đến khi thi hành án xong mà ông H, bà T chậm trả tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bị đơn bà T. Ông Nguyễn Thanh H phải nộp 12.148.000 đồng (Mười hai triệu một trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Bà Thạch Thị Sa V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.909.000đ (Mười hai triệu, chín trăm lẻ chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008031 ngày 24/4/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho bị đơn bà T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

